

DANH SÁCH CCVC ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2026

DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

(Kèm theo Công văn số      /      ngày      tháng      năm      )

| STT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Chức vụ, chức danh | Đơn vị công tác   | Thành tích khen thưởng sử dụng để nâng bậc lương trước thời hạn | Năm đạt thành tích khen thưởng | Số Quyết định/Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định khen thưởng | Số tháng đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn | Lương hiện hưởng           |      |             |                      |                                 | Bậc lương đề nghị nâng |             |                      | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------|-----------|--------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|------|-------------|----------------------|---------------------------------|------------------------|-------------|----------------------|---------|
|     |                      |                     |           |                    |                   |                                                                 |                                |                                                                |                                                | Mã số ngạch/hạng chức danh | Bậc  | Hệ số lương | Thời điểm được hưởng | Mốc tính nâng bậc lương lần sau | Bậc                    | Hệ số lương | Thời điểm được hưởng |         |
| 1   | 2                    | 3                   | 4         | 5                  | 6                 | 7                                                               | 8                              | 9                                                              | 10                                             | 11                         | 12   | 13          | 14                   | 15                              | 16                     | 17          | 18                   | 19      |
| 1   | Trương Thị Bích Ngân | 16/04/1979          | Nữ        | TKV                | Phòng TK DV&G     | Bằng khen Bộ Trưởng Bộ KHĐT                                     | 2021                           | Số: 06/QĐ-BKHĐT, ngày 06/01/2022                               | 12                                             | 23263                      | 7/9  | 4,32        | 01/09/2023           | 01/09/2023                      | 8/9                    | 4,65        | 01/09/2025           |         |
| 2   | Nguyễn Thị Thu Hương | 22/6/1974           | Nữ        | Phó TP             | Phòng TK NN&XH    | Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh                                    | 2024                           | Số:05/QĐ-UBND ngày 03/01/2025                                  | 12                                             | 23263                      | 8/9  | 4,65        | 01/09/2023           | 01/9/2023                       | 9/9                    | 4,98        | 01/9/2025            |         |
| 3   | Ngô Văn Thảo         | 18/11/1976          | Nam       | Phó TP             | Phòng TCHC        | Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh                                    | 2021                           | Số:102/QĐ-UBND ngày 21/01/2022                                 | 12                                             | 01002                      | 3/8  | 5,08        | 01/07/2023           | 01/07/2023                      | 4/8                    | 5,42        | 01/07/2025           |         |
| 4   | Nguyễn Văn Lại       | 07/07/1975          | Nam       | TKV                | TKCS Quê Võ       | Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh                                    | 2021                           | Số:102/QĐ-UBND ngày 21/01/2022                                 | 12                                             | 23263                      | 7/9  | 4,32        | 01/12/2023           | 01/12/2026                      | 8/9                    | 4,65        | 01/12/2025           |         |
| 5   | Nguyễn Thị Thu       | 15/08/1987          | Nữ        | Kế toán viên       | Phòng TCHC        | Chiến sỹ thi đua cơ sở                                          | 2024                           | Số 695/QĐ-CTK ngày 11/12/2024                                  | 6                                              | 06031                      | 4/9  | 3,33        | 01/10/2023           | 01/10/2023                      | 5/9                    | 3,66        | 01/04/2026           |         |
| 6   | Ngô Phương Thảo      | 09/03/1988          | Nữ        | TKV                | Phòng TK Tổng hợp | Chiến sỹ thi đua cơ sở                                          | 2024                           | Số 695/QĐ-CTK ngày 11/12/2024                                  | 6                                              | 23263                      | 4/9  | 3,33        | 01/04/2023           | 01/04/2023                      | 5/9                    | 3,66        | 1/10/2025            |         |
| 7   | Nguyễn Thị Vân Anh   | 13/10/1989          | Nữ        | TKV                | Phòng TK NN&XH    | Chiến sỹ thi đua cơ sở                                          | 2021                           | Số: 475/QĐ-CTK, ngày 22/11/2021                                | 6                                              | 23263                      | 4/9  | 3,33        | 01/10/2023           | 01/10/2023                      | 5/9                    | 3,66        | 01/04/2026           |         |
| 8   | Nguyễn Thị Quyên     | 10/11/1981          | Nữ        | TKV                | TK CS Từ Sơn      | Chiến sỹ thi đua cơ sở                                          | 2022                           | Số 531/QĐ-CTK ngày 22/11/2022                                  | 6                                              | 23.263                     | 5/9  | 3,66        | 01/03/2023           | 01/03/2026                      | 6/9                    | 3,99        | 01/09/2025           |         |
| 9   | Ngô Thị Vân          | 20/10/1981          | Nữ        | TKV                | TK CS Từ Sơn      | Chiến sỹ thi đua cơ sở                                          | 2023                           | Số 12/QĐ-CTK ngày 03/01/2024                                   | 6                                              | 23.263                     | 6/9  | 3,99        | 01/06/2023           | 01/06/2026                      | 7/9                    | 4,32        | 01/12/2025           |         |
| 10  | Dương Văn Doanh      | 22/10/1981          | Nam       | Phó trưởng TKCS    | TK CS Lục Nam     | Chiến sỹ thi đua cơ sở                                          | 2022                           | Số 75/QĐ-CTK ngày 11/11/2022                                   | 6                                              | 23263                      | 7/9  | 4,32        | 01/9/2023            | 01/9/2023                       | 8/9                    | 4,65        | 01/03/2026           |         |
| 11  | Lương Anh Tuấn       | 30/11/1989          | Nam       | TKV T.Cấp          | TKCS Việt Yên     | Chiến sỹ thi đua cơ sở                                          | 2024                           | Số 87/QĐ-CTK ngày 12/12/2024                                   | 6                                              | 23264                      | 4/10 | 3,03        | 01/10/2023           | 01/10/2023                      | 5/10                   | 3,34        | 01/04//2026          |         |

Người lập biểu

Ngô Văn Thảo

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đồng Văn Sùng